

Số: 15 /CT-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2020

**CHỈ THỊ**

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và  
dự toán ngân sách nhà nước năm 2021  
của tỉnh Đồng Nai**

Năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp (Covid-19) bùng phát, lây lan nhanh tới các quốc gia trên toàn thế giới. Tác động của dịch Covid-19 cộng hưởng với đà suy giảm của kinh tế thế giới từ cuối năm 2019 đã ảnh hưởng nghiêm trọng, toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới.

Trong nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, sự chủ động điều hành của Chính phủ và sự đồng lòng của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, 6 tháng đầu năm tình hình dịch bệnh covid-19 cơ bản được khống chế, không có trường hợp tử vong. Tuy nhiên sau 99 ngày kể từ ngày 16/4/2020, Việt Nam không ghi nhận thêm ca mắc Covid-19 trong cộng đồng. Đến nay, dịch bệnh đang tiếp tục có những diễn biến phức tạp, có nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng được phát hiện có nguy cơ lây lan nhiều tỉnh, thành phố khác trên cả nước. Trong đó, tỉnh Đồng Nai ghi nhận có 02 ca nhiễm Covid-19.

Năm 2021, là năm đầu tiên thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh (Khóa IX) về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 5 năm 2021 - 2025. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường trong khi đó kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19.

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi chung doanh nghiệp) tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 với các yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

**A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

**I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh





tế - xã hội năm 2020 và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2021 phù hợp với mục tiêu phát triển chung của các Bộ, ngành, Trung ương, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 gồm:

### **1. Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.**

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020, các Sở, ngành và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó, cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ được các thành tựu nổi bật của năm 2020), những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại dịch Covid-19. Cụ thể:

#### **1.1 Các Sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết:**

- Nghị quyết số 14/NQ-TU ngày 10/01/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2020;

- Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020 của tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2020; Nghị quyết số 195/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 và kế hoạch đầu tư công năm 2020.

#### **1.2. Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách lớn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trong đó, tập trung:**

a) Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế

b) Thực hiện cơ cấu lại của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước,...

c) Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: đầu tư công; các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; ngân sách nhà nước; Cơ cấu lại các ngành kinh tế (cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại các ngành công nghiệp, và cơ cấu lại các ngành dịch vụ); khu vực công; đơn vị sự nghiệp công lập.



d) Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **1.3. Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về:**

- Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hiệu quả các công trình hạ tầng xã hội và dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; trong đó, ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước sạch, thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở phục vụ nhân dân;

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào các ngành nghề chủ lực, mũi nhọn của tỉnh. Đầu tư phát triển giáo dục mầm non theo Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2015 – 2020;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực, hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh.

Cần nêu rõ những kết quả cụ thể đã đạt được, như: nghiên cứu tham mưu xây dựng chính sách; xây dựng các đề án, chương trình kế hoạch triển khai; huy động các nguồn lực; tổ chức triển khai và tiến độ thực hiện, đặc biệt là các dự án lớn, quan trọng của tỉnh;...

**1.4. Tình hình thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng; thu chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công, nợ chính quyền địa phương; xuất nhập khẩu, năng lượng, đặc biệt là điện....**

**1.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển**, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn từ khu vực dân cư; vốn đầu tư từ khu vực tư nhân; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và tư nhân; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn huy động khác.

**1.6. Những kết quả về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ.** Trong đó, đi sâu đánh giá tình hình phát triển và đổi mới giáo dục đào tạo; trình độ khoa học công nghệ, đánh giá về các kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng trong thực tiễn; đóng góp của khoa học công nghệ đến tăng trưởng kinh tế; khai thác và sử dụng các cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ.

**1.7. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội**, như: công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tình trạng già hóa dân số; nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tạo việc làm; thông tin, văn hóa; thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc



đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; phòng, chống cháy nổ;...

**1.8. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;** triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị và ngập úng ở các đô thị lớn, ...

**1.9. Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; công tác đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế.**

**1.10. Tình hình thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;...**

**1.11. Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2020 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.**

Căn cứ đặc điểm, tình hình và lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp có vốn nhà nước tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương.

## **2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường như cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại; tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến mọi mặt của đời sống; các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19... Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,...Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021-2025 nền kinh tế sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại chưa và chậm được khắc phục cũng như các vấn đề xã hội - môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,...đặc biệt trong năm 2021, năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Trong tỉnh Đồng Nai những thành tựu về phát triển kinh tế xã hội trong các năm qua là tiền đề hết sức quan trọng cho sự phát triển ở những năm tiếp theo. Việc tập trung xây dựng các dự án quan trọng cấp quốc gia như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cao tốc Dầu Giây- Phan Thiết và các dự án giao thông liên kết vùng đang triển khai trên địa bàn sẽ mang lại nhiều động lực, cơ hội thúc đẩy phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Song Đồng Nai cũng đang



đối mặt với những diễn biến phức tạp về thiên tai do biến đổi khí hậu; tình trạng chất lượng nguồn nhân lực thấp; tính chủ động tham gia trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sự chống phá không ngừng của các thế lực thù địch và những khó khăn bởi sức ép lớn về yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng, việc làm, nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do quá trình phát triển công nghiệp, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, người dân đến làm ăn và sinh sống tại địa phương tăng mạnh.

Trong bối cảnh đó, các Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

**2.1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

**2.2. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp.**

**2.3. Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn, trong đó: phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh tăng khoảng 8,5%;** đối với Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp, căn cứ tình hình thực tế xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương xây dựng phương án tăng trưởng hợp lý và phù hợp; một số chỉ tiêu cơ bản tại Phụ lục số 1 kèm theo và đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của Sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp cho năm 2021.

### **3. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:**

#### **a. Các nhiệm vụ đột phá:**

- Huy động các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông trọng điểm, giao thông đô thị và giao thông kết nối.

- Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Phát triển thương mại, dịch vụ tổng hợp hiện đại mà tỉnh có lợi thế, trọng tâm là dịch vụ du lịch, dịch vụ logistics.

#### **b. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:**

- Thực hiện lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch; Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia trên địa bàn, các công trình trọng điểm của tỉnh và địa phương, cụ thể:

+ Chú trọng việc quy hoạch các khu (tổ hợp) công - nông nghiệp - dịch vụ (công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ phục vụ công nghiệp



chế biến và nông nghiệp), điều chỉnh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dịch vụ, du lịch.... Tập trung thực hiện công tác quy hoạch các khu tái định cư, khu đô thị tái định cư.

+ Thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành để bàn giao cho đơn vị thi công đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế tập thể; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Tiếp tục thu hút đầu tư có chọn lọc, phát triển công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế; từng bước xây dựng và phát triển đô thị thông minh; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

- Mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng, hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường; kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu. Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước và phát triển thương hiệu Việt. Phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Tăng cường quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ như giao thông, nông nghiệp, nông thôn...; phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Tiếp tục phát triển nhà ở nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu của người thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, am hiểu pháp luật, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa – xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò nền tảng của văn hóa, xây dựng con người phát triển toàn diện, gia đình ấm no, hạnh phúc; nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Quan tâm phát triển hệ thống an sinh xã hội, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân, người lao động.

- Quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, khoáng sản, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Tăng cường công tác bảo



vệ và cải thiện môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề môi trường bức xúc. Tổ chức thực hiện tốt việc ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cải cách thủ tục hành chính, trong đó chú trọng thực hiện có hiệu quả chính quyền điện tử.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng- an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, dành nguồn lực cho xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân, giữ vững trật tự an toàn xã hội và ổn định chính trị trên địa bàn để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các Sở, ngành và địa phương cụ thể hóa các nhiệm vụ để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

## **II. YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

### **1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020:**

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội X của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, các Quyết định triển khai Nghị quyết của UBND tỉnh trong điều hành thực hiện kế hoạch hằng năm.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát, đúng thực tiễn, gắn với đánh giá chung của giai đoạn 2016-2020 và có sự so sánh với kết quả thực hiện năm 2019. Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 sử dụng theo số liệu chưa đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

### **2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**

a) Kế hoạch của tỉnh phải xây dựng bám sát các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa



những thành quả đã đạt được, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như bảo đảm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương.

Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách:

- Phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch;

- Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ, không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu;

- Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ;

- Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu;

- Phù hợp với thông lệ.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được tính toán, dự báo dựa trên số liệu đã được đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

## **B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023**

### **I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

#### **1. Dự toán thu ngân sách nhà nước**

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành. Trong bối cảnh tình hình có nhiều khó khăn, thách thức lớn của năm 2020, cần phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2020 làm cơ sở xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021, đặc biệt là các thách thức từ nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố tác động khác làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, quản



lý thu, gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Phân đầu dự toán thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 (đã dự kiến các tác động điều chỉnh chính sách thu theo các chủ trương hiện hành) bình quân chung cả nước tăng khoảng 9-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2021 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **2. Dự toán chi ngân sách nhà nước**

Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 được cấp có thẩm quyền quyết định; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Tăng cường thực hiện các giải pháp, chính sách tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đẩy mạnh ứng dụng, triển khai Chính phủ điện tử. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, kém hiệu quả, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2021 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2021, các cơ quan cấp tỉnh và địa phương cần chú ý các nội dung sau:



### **a) Chi đầu tư phát triển**

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn vay ODA, vốn viện trợ, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phù hợp với định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, định hướng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 và nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Bố trí đủ dự toán chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016- 2020 sang giai đoạn 2021-2025; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định; cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho các Ngân hàng chính sách.

Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương, vùng lãnh thổ. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2021.

Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2021 và không có khả năng gia hạn.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ số đã nộp ngân sách nhà nước các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu ngân sách nhà nước từ nguồn thu này năm 2021, các cơ quan cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập dự toán chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ sử dụng nguồn này theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành; gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước.

### **b) Chi thường xuyên**



Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2025 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, triển khai Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số và tận dụng hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...

Tiếp tục quyết liệt triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021, kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài... dành nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII.

Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công phải quán triệt đầy đủ yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở dự kiến đầy đủ các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật để xác định: tăng số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên; tăng số lượng đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên. Đối với đơn vị sự nghiệp cần phải hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải thực hiện giảm dần số hỗ trợ, tương ứng số tăng thu của đơn vị, bao gồm cả số tăng thu do điều chỉnh lộ trình phí, lệ phí, giá dịch vụ... theo quy định, tối thiểu khoảng 2% so với năm 2020.

**c) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia:** Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia đã được, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt; khả năng thực hiện chương trình trong năm 2021; các cơ quan cấp tỉnh được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia hướng dẫn cơ quan cấp tỉnh có liên quan và các địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021; tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Việc bố trí kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.



**d) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:** Thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành. Rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả. Bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Các cơ quan cấp tỉnh và địa phương thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án sử dụng vốn ngoài nước phải chi tiết rõ vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, phân định rõ dự án cấp phát hoặc vay lại hoặc hỗn hợp (cấp phát, vay lại) và chi tiết mức vốn cho từng phần. Đối với các dự án Ô, cần làm rõ kế hoạch giữa cơ quan chủ quản trung ương và cơ quan chủ quản dự án thành phần tham gia thực hiện dự án. Không bố trí vốn vay cho các nhiệm vụ chi thường xuyên.

**e) Dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:** Các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về thực hiện cải cách chính sách tiền lương và các Nghị quyết của Quốc hội.

**f) Ngân sách tỉnh và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách** theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**g) Các cơ quan cấp tỉnh và địa phương tổng hợp, báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2020 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2021 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu, trùng lặp về nguồn thu, nhiệm vụ chi với ngân sách nhà nước để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; từ đó, đề xuất phương án xử lý số dư quỹ dự kiến tính đến hết năm 2020 đối với những quỹ kết thúc chương trình hoạt động trong năm 2020 theo quy định của cấp có thẩm quyền.**

## **II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.**

Dự toán ngân sách địa phương năm 2021 được xây dựng bảo đảm cân đối đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các I.1, I.2 phụ lục B của Chỉ thị này,



việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2021 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp các cơ quan tài chính, thuế và các cơ quan liên quan căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và đánh giá những tác động của đại dịch Covid-19 đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2020 trên địa bàn;

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới theo từng địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế...; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu HĐND, UBND tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương: Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách địa phương (nếu có) trong thời kỳ ổn định ngân sách; trên cơ sở định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2021, các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ của trung ương, tỉnh sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư theo quy định).

### **III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023**

Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội; Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách



nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, các địa phương xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm 2021-2023 về thu ngân sách; mức bội thu/bội chi của ngân sách tỉnh; dự kiến tổng chi ngân sách tỉnh, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên phân cân đối ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2023 phù hợp với khả năng cân đối thu ngân sách; trong đó: chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương, tỉnh ban hành tới thời điểm dự toán năm 2021 được cấp có thẩm quyền thông qua, chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết bố trí bằng số thu.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

#### **2. Cục Thống kê**

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở đó để xây dựng chỉ tiêu này cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

#### **3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan**

Các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2020, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; các sở, ban ngành cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định biên chế năm 2021 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2020 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2021.

#### **5. Tiến độ xây dựng kế hoạch**



a) Trước ngày 20/8/2020, các sở, ban ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021; gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

b) Trước ngày 25/8/2020: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021; đồng thời, dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách nhà nước báo cáo UBND tỉnh thông qua nội dung báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

c) Từ tháng 9/2020 đến ngày 10/10/2020: Các sở, ban ngành, địa phương căn cứ kết quả thực hiện 9 tháng và ước cả năm 2020 để rà soát, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2020 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 của tỉnh; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương có mục tiêu để phân bổ chi tiết cho các dự án cụ thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan hoàn chỉnh báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/10/2020 để xem xét trình HĐND tỉnh.

d) Sau khi nhận được Quyết định giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cho địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 vào tháng 12/2020.

đ) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, các đơn vị dự toán cấp I ở tỉnh và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới.

## **II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023.**

1. Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XII và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021, đánh giá tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi ngân sách nhà nước đến hết năm 2020 (lũy kế tình hình thực hiện từ năm 2016 đến hết năm 2020), kế hoạch năm 2021 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2022-2023, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng



hợp, xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Sở Tài chính căn cứ nội dung Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn các Sở ngành lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC (các phòng).



**CHỦ TỊCH**

**Cao Tiến Dũng**





**PHỤ LỤC KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**CHỦ TỊCH TÒNG HỢP KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH**  
**NĂM 2020 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Chỉ thị số .../A.5.../CT-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT                               | Chỉ tiêu                                               | ĐVT           | Mục tiêu 2020         | ƯTH NĂM 2020 | ĐÁNH GIÁ | DỰ KIẾN NĂM 2021 |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|----------|------------------|
| <b>I Về kinh tế (6 chỉ tiêu)</b>  |                                                        |               |                       |              |          |                  |
| 1                                 | Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP theo phương pháp mới) | %             | 8-9                   |              |          |                  |
| 2                                 | GRDP bình quân đầu người                               | Triệu đồng    | 124                   |              |          |                  |
|                                   |                                                        | USD           | 5.300,0               |              |          |                  |
| 3                                 | Kim ngạch xuất khẩu tăng                               | %             | 10-11                 |              |          |                  |
| 4                                 | Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội                 | 1.000 tỷ đồng | 90-91                 |              |          |                  |
|                                   |                                                        | % GRDP        | 23,2                  |              |          |                  |
| 5                                 | Tổng thu ngân sách                                     | Tỷ đồng       | Đạt dự toán được giao |              |          |                  |
| 6                                 | Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội             | căn           | 456                   |              |          |                  |
| <b>II Về xã hội (13 chỉ tiêu)</b> |                                                        |               |                       |              |          |                  |
| 7                                 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm       | Số xã         | 5-7                   |              |          |                  |
|                                   | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu                 | Số xã         | 1,0                   |              |          |                  |



| STT | Chỉ tiêu                                                                                        | ĐVT    | Mục tiêu 2020 | ƯTH NĂM 2020 | ĐÁNH GIÁ | DỰ KIẾN NĂM 2021 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|--------------|----------|------------------|
| 8   | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên                                                                      | %      | còn 1,0       |              |          |                  |
| 9   | Giữ tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị ở mức                                     | %      | 2,4           |              |          |                  |
| 10  | Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)                                        | %      | 0,19          |              |          |                  |
|     | Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)                                    | %      | 0,25          |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                                                                      | %      | 82            |              |          |                  |
| 11  | Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề                                                                 | %      | 65            |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm | %      | 25            |              |          |                  |
| 12  | Số Bác sỹ/ vạn dân                                                                              | Bác sỹ | 8,5           |              |          |                  |
|     | Số giường bệnh/vạn dân                                                                          | Giường | 30            |              |          |                  |
| 13  | Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi                                               | %      | còn 8,0       |              |          |                  |
| 14  | Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi                                              | %      | còn 22,5      |              |          |                  |
| 15  | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế                                                             | %      | 90,7          |              |          |                  |



| STT | Chỉ tiêu                                                                                                       | ĐVT | Mục tiêu 2020 | ƯTH NĂM 2020 | ĐÁNH GIÁ | DỰ KIẾN NĂM 2021 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------|--------------|----------|------------------|
| 16  | Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội                                                | %   | 55            |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp                                           | %   | 47            |              |          |                  |
| 17  | Tỷ lệ áp, khu phố văn hóa                                                                                      | %   | Trên 95       |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa                                                                                      | %   | Trên 98       |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa                                                                        | %   | 100           |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa                                                                           | %   | 72            |              |          |                  |
| 18  | Tỷ lệ dân cư nội thành, nội thị sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn QCVN                                          | %   | Trên 90       |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn QCVN                                                   | %   | 80            |              |          |                  |
| 19  | Tỷ lệ cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập                                          | %   | 7,5           |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện, trong đó: | %   | 12,5          |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng                                                                | %   | 8,2           |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy                                              | %   | 4,3           |              |          |                  |



| STT        | Chỉ tiêu                                                                                                 | ĐVT | Mục tiêu 2020 | ƯTH NĂM 2020 | ĐÁNH GIÁ | DỰ KIẾN NĂM 2021 |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------|--------------|----------|------------------|
| <b>III</b> | <b>Về môi trường (3 chỉ tiêu)</b>                                                                        |     |               |              |          |                  |
| 20         | Thu gom và xử lý chất thải y tế                                                                          | %   | 100           |              |          |                  |
|            | Thu gom và xử lý chất thải nguy hại                                                                      | %   | 100           |              |          |                  |
|            | Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại                                                    | %   | 100           |              |          |                  |
|            | Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó:                                                      | %   |               |              |          |                  |
|            | Thu gom chất thải rắn sinh hoạt                                                                          | %   | 100           |              |          |                  |
| 21         | Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt khoảng                                                                  | %   | 15            |              |          |                  |
|            | Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường | %   | 100           |              |          |                  |
|            | Tỷ lệ khu công nghiệp có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động             | %   | 100           |              |          |                  |
|            | Tỷ lệ che phủ cây xanh                                                                                   | %   | 52            |              |          |                  |
| 22         | Tỷ lệ che phủ của rừng                                                                                   | %   | 29,76         |              |          |                  |
| <b>IV</b>  | <b>Về Quốc phòng, trật tự xã hội (6 chỉ tiêu)</b>                                                        |     |               |              |          |                  |
| 23         | Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao                                                           |     | Hoàn thành    |              |          |                  |
| 24         | Giảm số vụ tội phạm hình sự (trừ tội phạm ma túy)                                                        | %   | Ít nhất 3%    |              |          |                  |



| STT | Chỉ tiêu                                                                     | BVT | Mục tiêu 2020                                                                              | ƯTH NĂM 2020 | ĐÁNH GIÁ | DỰ KIẾN NĂM 2021 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|------------------|
| 25  | Phát hiện và xử lý tội phạm ma túy                                           | %   | tăng từ 5%                                                                                 |              |          |                  |
| 26  | Giảm số vụ, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông                   | %   | Từ 5% trở lên                                                                              |              |          |                  |
| 27  | Giải quyết tin báo, tố giác tội phạm                                         | %   | từ 90% trở lên                                                                             |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ điều tra, khám phá các loại án                                         | %   | từ 75% trở lên                                                                             |              |          |                  |
|     | Tỷ lệ điều tra các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng           | %   | từ 95% trở lên                                                                             |              |          |                  |
| 28  | Chỉ tiêu thi hành án dân sự xong/tổng số án có điều kiện thi hành, trong đó: | %   | Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu theo Quyết định giao chỉ tiêu của Tổng Cục thi hành án dân sự |              |          |                  |
|     | - Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc                                        | %   |                                                                                            |              |          |                  |
|     | - Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền                                        | %   |                                                                                            |              |          |                  |
|     | Giảm số việc, số tiền chuyển kỳ sau/số có điều kiện thi hành, trong đó:      |     |                                                                                            |              |          |                  |
|     | - Về việc                                                                    | %   |                                                                                            |              |          |                  |
|     | - Về tiền                                                                    | %   |                                                                                            |              |          |                  |